

Mối quan hệ giữa phát triển nông nghiệp, nông thôn và xóa đói giảm nghèo: nghiên cứu từ Thái Nguyên

NGUYỄN THỊ YẾN

Căn cứ vào những đặc điểm chung phát triển nông nghiệp, nông thôn ở nước ta và một số đặc điểm riêng tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên, bài viết phân tích sự tác động của chủ trương, chính sách tới khu vực nông nghiệp, nông thôn. Đặc biệt tác giả làm rõ mối quan hệ giữa phát triển nông nghiệp - nông thôn và xóa đói, giảm nghèo, nêu một số khuyến nghị chính sách và giải pháp.

Thái Nguyên là tỉnh thuộc miền núi phía Bắc nước ta, 70% dân số, 74% lực lượng lao động sống và làm việc ở khu vực nông thôn. Năm 2009, nông nghiệp vẫn chiếm 24% trong GDP, tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2001 - 2010 đạt bình quân 6,5%/năm, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 26,85% năm 2005 xuống còn 10,80% năm 2010. Nghiên cứu quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và công cuộc xóa đói giảm nghèo ở Thái Nguyên trong nhiều năm qua, đặc biệt là trong những năm gần đây, chúng tôi thấy nổi lên những vấn đề mang tính quy luật, đặc điểm chung, nhưng cũng ẩn chứa nhiều yếu tố riêng biệt, cần được phân tích, tìm giải pháp khắc phục yếu kém, phát huy ưu điểm nổi trội.

Về đặc điểm chung, có thể khái quát ở một số vấn đề sau:

Nhiều năm tăng cường đầu tư, phát huy tốt các yếu tố nguồn lực, kinh tế tăng trưởng khá cao, nhưng thiếu bền vững.

Công nghiệp, dịch vụ và xuất khẩu là những lĩnh vực tăng trưởng nhanh, chiếm ưu thế, nhưng chưa trở thành nền tảng vững chắc cho nền kinh tế phát triển ổn định, chưa tạo nên những điểm nhấn về hiệu quả, năng suất, chất lượng và chưa làm được vai trò “bà đỡ”, hỗ trợ, lôi kéo nông nghiệp - nông thôn phát triển.

Nông nghiệp luôn đóng vai trò quan trọng, nhưng dường như đây là khu vực chậm đổi mới, chưa được quan tâm đúng mức.

Đặc điểm chung đó ảnh hưởng sâu sắc và tác động mạnh mẽ đến khu vực nông nghiệp và nông thôn nước ta, tạo nên sự biến đổi lúc thì đột biến, lúc thì chậm rãi, trì trệ và sự tác động không đồng đều ở từng vùng, khu vực. Tỉnh Thái Nguyên cũng không là ngoại lệ, thậm chí còn bị ảnh hưởng lớn hơn vì nhiều lý do.

1. Dấu ấn điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế xã hội

Khu vực Đông Bắc nước ta gồm 11 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Bắc Giang và Phú Thọ. Ở khu vực này, Thái Nguyên có tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức khá cao, bình quân hàng năm 11,11% thời kỳ 2005 - 2010, GDP bình quân đầu người năm 2010 là 17,4 triệu đồng¹.

Nguyễn Thị Yến, ThS, Trường đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Thái Nguyên.

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Thái Nguyên thừa hưởng ưu đãi về điều kiện tự nhiên: tài nguyên thiên nhiên đa dạng, đồi núi trùng điệp, rừng và đất rừng phong phú; đất nông nghiệp đa dạng cả về địa hình, địa mạo, lẫn thành phần thổ nhưỡng. Đặc biệt thuận lợi trồng các loại cây công nghiệp hàng hóa, cây ăn quả, hương liệu, dược liệu và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tài nguyên khoáng sản cũng là ưu thế nổi bật; qua khảo sát và đánh giá trữ lượng, Thái Nguyên có 25 loại khoáng sản quý hiếm, khai thác quy mô công nghiệp. Ở trong vùng thượng nguồn của nhiều sông, suối có lưu vực rộng và lưu lượng nước lớn, Thái Nguyên cũng là nơi có trữ lượng nước mặt và nước ngầm lớn.

Những ưu thế về điều kiện tự nhiên này tác động rất lớn đến công cuộc phát triển kinh tế xã hội, đến quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và thực hiện công nghiệp hóa trên địa bàn. Xét trong quãng thời gian 5 năm qua (2006-2010), sản xuất công nghiệp tăng trưởng nhanh nhất, tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm đạt 18,7%, dịch vụ tăng trưởng bình quân hàng năm 11,86%; sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân hàng năm tăng 6,02%, cơ cấu kinh tế nội ngành có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ.

Một số lĩnh vực nêu trên đạt được mức tăng trưởng khá và tạo nên tảng bước đầu cho công cuộc phát triển kinh tế, nhưng đó là so sánh với hiện trạng tăng trưởng trong thời điểm những năm trước đó, còn so với yêu cầu thì vẫn còn nhiều mặt yếu kém. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII đã nhận định: kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; cơ cấu kinh tế tuy có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, nhưng có lĩnh vực tỷ trọng chưa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra như: giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, năng lực cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế chưa cao...

2. Mối quan hệ giữa phát triển nông nghiệp nông thôn và xóa đói, giảm nghèo

2.1. Đầu tư, tốc độ tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo

Bị chi phối bởi những yếu tố đặc thù của một tỉnh miền núi, trung du nên nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp nông thôn khó có thể tập trung, phải dàn trải trên nhiều lĩnh vực: trồng rừng, chăm sóc và tu bổ rừng, xây dựng các hồ chứa nước, đập thủy lợi, giao thông, đường điện, hệ thống kênh mương, hệ thống trạm trại giống cây trồng, vật nuôi... Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn 5 năm qua (2006 - 2010), theo Báo cáo của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thái Nguyên, đầu tư ở mức độ khá lớn, nên ngành, lĩnh vực này có được nguồn lực để phát triển. Về ngành lâm nghiệp, đến năm 2008 diện tích rừng có 160.333 ha, trong giai đoạn 2006 - 2008 trung bình mỗi năm trồng thêm được 4.814 ha rừng tập trung. Ngành chăn nuôi tăng nhanh giá trị sản xuất do tỉnh có chủ trương hỗ trợ vốn, con giống và khuyến khích phát triển trang trại chăn nuôi tập trung (đến năm 2008 tỉnh đã có 234 trang trại loại này). Về thủy sản, năm 2009 diện tích nuôi trồng đạt 4.560 ha, sản lượng 4.300 tấn. Công nghiệp chế biến nông, lâm sản có phát triển. Đặc biệt là công nghiệp chế biến chè, đến nay tỉnh đã có 30 doanh nghiệp chế biến chè công nghiệp, tổng công suất 60.000 tấn chè búp tươi/năm, sản lượng 8000 tấn chè khô/năm và 54.000 cơ sở chế biến chè quy mô hộ gia đình. Chế biến thực phẩm, hoa quả, thức ăn gia súc bắt đầu phát triển. Chế biến lâm sản tập trung vào sản xuất bột giấy, đồ gỗ, ván dăm... Các trung tâm giống cây trồng, trại sản xuất giống lợn, bò, thủy sản, trạm bảo vệ thực vật, trung tâm thú y, trung tâm khuyến nông cũng được xây dựng đều khắp và duy trì hoạt động thường xuyên.

Cơ sở vật chất kỹ thuật và hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp

đã được chú trọng. Thái Nguyên hiện có 395 hồ chứa nước diện tích từ 30ha/chiếc trở lên, 110 đập dâng kiên cố và 1572 đập bán kiên cố, 200 trạm bơm điện năng lực tưới 5150 ha, 40 trạm bơm dầu năng lực tưới 1005 ha. Hệ thống kênh tưới có tổng chiều dài kênh chính và kênh nội đồng là 2707 km... Hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư lớn đã đảm bảo tưới cho 23.500 ha lúa vụ đông xuân, 34.000 ha lúa vụ mùa, 16.500 ha màu và 2500 ha chè vụ đông.

Nhờ có đầu tư đúng hướng, nên nông lâm nghiệp thủy sản giai đoạn 2000 - 2009 đã đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, trong đó ngành nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao nhất (6,6%/năm), ngành lâm nghiệp và

ngành thủy sản đều có mức tăng trưởng 4,4%/năm.

Đầu tư, tăng trưởng và công cuộc xóa đói, giảm nghèo có mối quan hệ tương hỗ. Thông thường nếu tập trung vốn đầu tư đến mức đủ lớn, sẽ có tốc độ tăng trưởng cao và công cuộc xóa đói giảm nghèo tiến triển thuận lợi. Nếu đầu tư đúng hướng, có trọng điểm và tác động ở những điểm then chốt sẽ đạt hiệu ứng lan tỏa tốt. Thực tế trong 10 năm qua (2001 - 2010) đầu tư hàng năm tăng ổn định, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 6,5%/năm thì công cuộc xóa đói giảm nghèo đạt kết quả tích cực, riêng trong 5 năm (2006 - 2010) giảm được 37.448 hộ nghèo.

BẢNG 1: Số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2005 - 2009

Năm Địa bàn	2005		2006		2008		2009	
	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ nghèo (%)	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ nghèo (%)	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ nghèo (%)	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ nghèo (%)
TP. Thái Nguyên	3.866	6,97	3.038	5,59	2.553	4,18	1.764	2,86
Thị xã Sông Công	1.940	17,18	1.690	13,90	1.216	9,51	931	6,35
Huyện Định Hóa	8.509	38,90	7.567	34,60	6.534	28,64	5.424	23,21
Huyện Võ Nhai	6.510	46,53	5.825	41,09	4.581	31,18	4.107	25,20
Huyện Phú Lương	7.303	28,96	6.947	26,61	6.262	23,55	5.272	19,60
Huyện Đồng Hỷ	6.473	23,95	6.076	20,55	5.516	20,47	4.525	15,99
Huyện Đại Từ	11.080	28,00	9.560	23,66	9.182	22,26	7.690	17,59
Huyện Phú Bình	9.228	28,12	8.199	24,22	7.391	22,34	6.317	18,80
Huyện Phổ Yên	6.785	21,14	6.029	18,47	5.135	15,32	3.441	10,23

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào số liệu ở bảng 1 có nhận xét là, tuy mức độ xóa đói giảm nghèo ở từng địa bàn khác nhau, nhưng điểm chung dễ nhận thấy, số người nghèo giảm nhanh. Cũng theo nguồn tài liệu này, tốc độ giảm nghèo chung toàn tỉnh giảm khá nhanh: năm 2005 tỷ lệ hộ nghèo là 23,74%, năm 2006: 20,69%, năm 2008: 17,74%, năm 2009: 13,99%.

2.2. Các chương trình trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho vùng nghèo nhất đã

tạo nên chuyển biến

Trong những năm qua, từ nguồn vốn ngân sách được phân bổ, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai nhiều chương trình và dự án cho phát triển nông nghiệp nông thôn như: chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chương trình định canh định cư, chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu vùng xa... Cùng thời điểm, tỉnh còn triển khai những dự án hỗ trợ của các tổ chức phi

chính phủ. Theo con số thống kê, đến năm 2006 tỉnh có 93 xã tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên, trong đó 44 xã và 200 xóm đặc biệt khó khăn. Vì vậy, đầu tư tốt hơn cho những vùng này là một trong những ưu tiên. Giai đoạn 2006 - 2010, tỉnh triển khai xây dựng 1030 công trình các loại, tổng kinh phí 396,643 tỷ đồng. Ngoài ra, tỉnh còn triển khai một số biện pháp hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp đến các hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo ở vùng khó khăn nhất. Đó là các

chương trình: tín dụng ưu đãi, khuyến nông khuyến lâm khuyến ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, hỗ trợ chăm sóc y tế, hỗ trợ giáo dục, hỗ trợ nhà ở và nước sinh hoạt, hỗ trợ đất ở và đất sản xuất... Nhờ vậy, bộ mặt nông thôn đã có sự thay đổi đáng kể. Đến hết năm 2010, ở Thái Nguyên 100% xã có trường tiểu học và trạm y tế, 100% có đường ô tô đến trung tâm xã, 100% xã có điện sinh hoạt với 95% số hộ dùng điện, 75% hộ dùng nước sạch.

BẢNG 2. Mức giảm tỷ lệ và số hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010

	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Mức giảm so với năm trước (%)	Số hộ thoát nghèo (hộ)
2006	23,74	3,11	6.287
2007	20,69	3,05	6.764
2008	17,74	2,95	6.786
2009	13,99	3,75	8.919
2010	10,80	3,19	8.692

Nguồn: Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 – 2010.

2.3. Tác động của sự thay đổi chính sách

Điểm tác động đầu tiên là chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo xu hướng chuyển dịch mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi giống cây trồng, giống vật nuôi, chuyển dịch sử dụng đất nhằm đạt hiệu quả sản xuất cao hơn. Sự chuyển dịch này đã tạo nên đa dạng hóa trong sản xuất nông nghiệp, đời sống nông dân được cải thiện đáng kể.

Chủ trương xây dựng các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm được thực hiện, bước đầu hình thành vùng chuyên canh sản xuất lương thực, thực phẩm, vùng chè chất lượng cao, vùng cây ăn quả (nhãn, vải), vùng rừng nguyên liệu...

Quan hệ sản xuất từng bước đổi mới, đã có tác dụng giải tỏa vướng mắc, giải phóng lực lượng sản xuất, tạo động lực cho người lao động.

Chủ trương khuyến khích và đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại đã đạt được thành quả. Thái Nguyên hiện có 638 trang trại (tăng 250 trang trại so với năm 2001). Kinh tế trang trại trên địa bàn đã tạo ra các mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, giải quyết tốt vấn đề tổ chức sản xuất (tích tụ ruộng đất, tích lũy vốn, áp dụng nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, định hướng rõ sản xuất hàng hóa), xây dựng mối liên kết hợp tác dịch vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... những vấn đề mà kinh tế hộ khó giải quyết được.

Chủ trương đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản được triển khai và đẩy mạnh đã tạo nên bước đột phá, tăng giá trị sản lượng và giá trị sản phẩm nông - lâm sản.

3. Một số khuyến nghị chính sách và giải pháp

3.1. Chính sách xóa đói giảm nghèo tập trung ở 3 nhóm chính

Nhóm chính sách hỗ trợ sản xuất và tăng thu nhập cho hộ nghèo; nhóm chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ xã hội, hỗ trợ nhà ở, nước sinh hoạt; nhóm chính sách tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý và nâng cao nhận thức của cộng đồng.

Đó là nhóm chính sách tiến bộ, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đến xóa đói giảm nghèo. Tuy vậy, triển khai ở từng vùng, địa phương cần chú ý yếu tố đặc thù, phù hợp, đạt hiệu quả. Như ở phần trên, Thái Nguyên có điều kiện tự nhiên phong phú, thuận lợi nhiều, nhưng khó khăn cũng nhiều.

Thứ nhất, điểm xuất phát và trình độ phát triển kinh tế xã hội còn thấp, sản xuất hàng hóa và thị trường hóa mức độ thấp, chất lượng tăng trưởng không cao, tích lũy và đầu tư từ nội bộ hạn chế.

Thứ hai, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhưng đang có nguy cơ suy thoái, cạn kiệt do khai thác, sử dụng quá mức, hoặc không hợp lý.

Thứ ba, thu nhập, mức sống và điều kiện sống của người dân còn thấp, chậm cải thiện; trình độ lao động và chất lượng nguồn nhân lực chưa đạt yêu cầu cũng là trở ngại lớn để đưa chính sách mới vào thực tiễn.

Thứ tư, đời sống văn hóa tinh thần chậm cải thiện. Phong tục tập quán lạc hậu tồn tại dai dẳng, cản trở phát triển kinh tế xã hội.

3.2. Khuyến nghị chính sách và giải pháp

+ Khi lập kế hoạch, chính sách, cần nghiên cứu kỹ những trở ngại về nhận thức. Đó có thể là trở ngại lớn nhất, không chỉ là từ những điều kiện về kinh tế chính trị: tự nhiên xã hội, mà còn nằm trong tư tưởng của nhà làm chính sách và lập kế hoạch. Còn áp đặt, chậm trễ tìm ra và áp dụng các hình mẫu phù hợp với điều kiện đặc biệt của vùng, miền, địa phương. Chính

sách chưa trúng, chưa đúng, chưa tạo nên sức bật. Bởi vậy, cần chín chắn về lý luận, kiên định trong đường lối, sắc bén, nhanh nhạy trong chỉ đạo khi xây dựng và thực hiện chính sách.

+ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh là bộ đuốc soi đường, nhưng cần được cụ thể hóa, lựa chọn lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ phù hợp. Đã một thời kỳ Thái Nguyên có nền công nghiệp khá, nhưng gần đây vị trí trên bản đồ công nghiệp toàn quốc không nổi bật. Theo chúng tôi, khi phân bổ nguồn vốn và xác định trọng điểm đầu tư cần chú ý công nghiệp hỗ trợ, phát huy thế mạnh, phục vụ nông nghiệp lâm nghiệp thủy sản phát triển. Đó là các nhà máy chế biến gỗ, sản xuất phân bón, chế biến nông lâm sản, thức ăn chăn nuôi, nhà máy sản xuất máy móc, thiết bị, công cụ cải tiến nhằm nâng cao năng suất lao động.

+ Trong 5 năm đầu của quá trình công nghiệp hóa (kết thúc vào năm 2020), tỉnh cần tập trung phát triển hàng hóa nông sản, tạo sức bật ở vùng đất đồi gò, nơi đa dạng hệ sinh thái, tạo nguồn nguyên liệu để phát triển công nghiệp chế biến.

+ Vốn cho chương trình xóa đói giảm nghèo cần thay đổi tư duy tiếp cận đối tượng. Người nghèo không chỉ biết tiếp nhận, mà còn phải chủ động, có mục tiêu cụ thể, cam kết các bước thực hiện. Nhà nước, xã hội, đoàn thể hỗ trợ, xúc tác để người nghèo tự tin vươn lên.

Về giải pháp, chúng tôi tập trung ở một số lĩnh vực thiết thực:

Kịp thời thực hiện quy hoạch đã phê duyệt. Ưu tiên chọn giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng của vùng, tiểu vùng; áp dụng công nghệ mới, phát huy các phương pháp canh tác cổ truyền đã được khoa học hóa, điển hình hóa và quy trình hóa.

Tập trung thí điểm vùng trồng và chế biến chè, nhanh chóng chuyển sang quy

trình sản xuất và chế biến chè sạch, chất lượng cao. So với một số loại nông sản xuất khẩu chủ lực, chè mất dần ưu thế, thiếu công nghệ chế biến sâu, nguyên liệu pha tạp, an toàn vệ sinh thực phẩm kém. Tỉnh đã có chủ trương xây dựng các nhà máy hiện đại nhất, nhưng cần xây dựng quy trình sản xuất và chế biến chè sạch, chất lượng cao, hướng dẫn người dân thực hiện đầy đủ các bước, khâu công việc của quy trình đó.

Các ban, ngành cần phối hợp trong tư vấn và thực hiện chính sách, kế hoạch cụ thể, lôi kéo nhà đầu tư tham gia xây dựng chương trình, dự án đầu tư có tầm ảnh hưởng lớn.

Đẩy nhanh phát triển trang trại, cổ xúy, hỗ trợ và khuyến khích làm giàu, xây dựng ý thức vươn lên, liên kết với các nhà khoa học, nhà đầu tư, nhà tài chính và nhà quản lý để tạo nhân tố mới.

Khi thực hiện xóa đói giảm nghèo, ngoài việc tiếp tục phát huy kinh nghiệm và thành quả đã có từ trước, cần chú ý nâng cao mức vốn hỗ trợ, kêu gọi các doanh nghiệp, doanh nhân giúp đỡ hộ nghèo, người nghèo kinh nghiệm làm ăn, áp dụng

công nghệ mới, giúp họ có tính chủ động trong cuộc sống và làm ăn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015.
2. Báo cáo kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 - 2015.
3. Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình giảm nghèo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2010.
4. Một vài suy nghĩ đổi mới cơ chế thực hiện chính sách giảm nghèo, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 15/2010.
5. Niên giám thống kê Thái Nguyên.
6. Phát triển bền vững vùng trung du miền núi Đông Bắc Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu phát triển bền vững, số 4, tháng 12-2007.
7. Những vấn đề môi trường và phát triển bền vững vùng Đông Bắc, Báo cáo tổng quan tại Hội thảo “Các vấn đề môi trường và phát triển bền vững vùng Đông Bắc Việt Nam”, Đại học Thái Nguyên và Viện Nghiên cứu môi trường và phát triển bền vững (Viện Khoa học xã hội Việt Nam) tổ chức tháng 12-2007.
8. Ảnh hưởng của các mối quan hệ hợp tác với thu nhập của hộ nông dân sản xuất chè ở Thái Nguyên, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 361, tháng 6-2008.
9. Ảnh hưởng của các yếu tố sản xuất đến quan hệ hợp tác trong sản xuất tiêu thụ chè, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 383, tháng 4-2010.